TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15/6/2025.
V/v ly hôn.
.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Đến.

2. Ông Lâm Thái Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Hoàng Kha, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 69/2025/TLST–HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025 về việc "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kh, sinh ngày 09/4/1977 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã VA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn Tr, sinh năm 1975 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã VA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 02 năm 2025 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Lê Thị Kh trình bày: Chị và anh Tr xây dựng hôn nhân năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, chị và anh Tr có hai người con chung là Lê Văn Ch, sinh ngày 06/11/1999 và Lê Thị Ng, sinh ngày 12/10/2000. Về tài sản chung, không có. Chị và anh Tr cũng không nợ tiền, tài sản của bất kỳ cá nhân, cơ quan, tổ chức tín dụng nào. Quá trình chung sống, chị và anh Tr bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt không hàn gắn được. Vì vậy, chị và anh Tr đã sống ly thân từ năm 2023

đến nay. Từ khi sống ly thân đến nay, chị và anh Tr cũng không có biện pháp gì để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Nay chị Kh yêu cầu ly hôn với anh Tr. Về con chung, các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Ngoài ra, chị Kh không còn yêu cầu gì khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn anh Tr từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử, anh Tr đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, Tòa án có đến nhà anh Tr để tiến hành lấy lời khai nhưng anh Tr không có mặt ở nhà nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của anh Tr.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Lê Thị Kh và anh Lê Văn Tr là vợ chồng. Về con chung, các con đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Kh phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Lê Thị Kh nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn Tr. Khi khởi kiện, anh Lê Văn Tr có địa chỉ tại ấp B, xã VA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Lê Thị Kh có đơn xin xét xử vắng mặt và anh Lê Văn Tr vắng mặt hai lần không rõ lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Kh và anh Tr theo quy định khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Vào năm 1998, chị Kh và anh Tr tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, là hôn nhân không hợp pháp. Chị Kh cho rằng, trong quá trình chung sống, chị và anh Tr thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau khiến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Đồng thời, chị và anh Tr cũng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay mà không có biện pháp hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, anh Tr biết chị Kh yêu cầu ly hôn nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến và cũng không thể hiện thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng, điều này thể hiện thông qua việc Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Tr để hòa giải, xét xử nhưng anh Tr có thái độ bỏ mặc không

đến hòa giải và xét xử. Ngoài ra, ông Lê Văn Hiếu là cha anh Lê Văn Tr xác định tại biên bản xác minh ngày 01/4/2025: *"Chị Kh và anh Tr đã sống ly thân hơn 01 năm nay...Hiện nay anh Tr vẫn đang sống tại địa phương, khi Toà án tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Tr thì anh Tr cũng biết việc chị Kh yêu cầu ly hôn. Anh Tr cũng đồng ý ly hôn nhưng do bận buôn bán không đến Toà án được"*. Xét thấy, do chị Kh và anh Tr không có đăng ký kết hôn, theo quy định khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *" Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản... được giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình"*. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị Kh và anh Tr là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị Kh xác định, chị và anh Tr có hai người con chung là Lê Văn Ch, sinh ngày 06/11/1999 và Lê Thị Ng, sinh ngày 12/10/2000. Do các con đều đã trưởng thành, chị Kh không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Kh xác định chị và anh Tr không có tài sản chung và nợ chung. Đồng thời, chị Kh và anh Tr cũng không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Chị Kh phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị Kh và anh Lê Văn Tr là vợ chồng.

2. Về con chung: Cháu Lê Văn Ch, sinh ngày 06/11/1999 và Lê Thị Ng, sinh ngày 12/10/2000 đều đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình chị Lê Thị Kh phải chịu 300.000 đồng. Chị Lê Thị Kh đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004234 ngày 03 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, được chuyển thu án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H, Bạc Liêu;
- Chi cục THADS huyện H, Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lệ Thu